

DANH SÁCH NGÀNH CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM CHƯƠNG TRÌNH CHẤT LƯỢNG CAO KHÓA 44
(Ghi chú: Lớp Quản lý sinh viên là mã lớp Sinh hoạt Cố vấn học tập của sinh viên)

Danh sách và thời khóa biểu lớp 18AVTC13

STT	Mã số SV	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Lớp Quản lý Sinh viên	Lớp Thời khóa biểu	Điểm thi TA
1	B1803023	Nguyễn Thị Hoàng	Vy	031000	NN1808F1	18AVTC13	64
2	B1800270	Đình Gia	Cường	010800	NN1808F1	18AVTC13	74
3	B1800614	Lê Thiên	Quỳnh	010100	NN1808F1	18AVTC13	72
4	B1805513	Lý Thanh	An	280600	NN1808F1	18AVTC13	71
5	B1812531	Nguyễn Huỳnh Mẫn	Nhi	010300	NN1808F1	18AVTC13	71
6	B1800618	Phạm Hoàng Minh	Trung	060400	NN1808F1	18AVTC13	68
7	B1800610	Trần Thụy Bảo	Nhi	160700	NN1808F1	18AVTC13	66
8	B1812534	Phạm Duy	Sang	261100	NN1808F1	18AVTC13	65
9	B1812535	Nguyễn Minh	Thịnh	010300	NN1808F1	18AVTC13	65
10	B1800384	Đỗ Thị Anh	Thư	100300	NN1808F1	18AVTC13	64
11	B1800605	Nguyễn Thanh	Duy	230900	NN1808F1	18AVTC13	64
12	B1800604	Nguyễn Lê Thanh	Cao	050500	NN1808F1	18AVTC13	63
13	B1811451	Nguyễn Lê Thanh	Bạch	050500	NN1808F1	18AVTC13	63
14	B1812525	Nguyễn Khánh	Hùng	300300	NN1808F1	18AVTC13	62
15	B1812761	Võ Phạm Ngọc	Hà	310300	NN1808F1	18AVTC13	62
16	B1800608	Đoàn Ngọc Thạch	Kỳ	090300	NN1808F1	18AVTC13	61
17	B1812559	Nguyễn Phong Chi	Hương	300300	NN1808F1	18AVTC13	61
18	B1802171	Lý Hồng	Ngọc	130400	NN1808F1	18AVTC13	43

Danh sách và thời khóa biểu lớp 18AVTC14

STT	Mã số SV	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Lớp Quản lý Sinh viên	Lớp Thời khóa biểu	Điểm thi TA
1	B1812527	Lê Thị Phương	Lam	120300	NN1808F1	18AVTC14	59
2	B1800612	Trang Thị Hoàng	Quỳn	090300	NN1808F1	18AVTC14	57
3	B1803946	Nguyễn Bảo	Ngọc	090400	NN1808F1	18AVTC14	57
4	B1812528	Nguyễn Kiều	Lâm	140100	NN1808F1	18AVTC14	57
5	B1812538	Nguyễn Thị Mỹ	Yến	140500	NN1808F1	18AVTC14	56
6	B1800613	Lê Bùi Trúc	Quỳnh	240500	NN1808F1	18AVTC14	55
7	B1800616	Nguyễn Bảo	Trâm	250200	NN1808F1	18AVTC14	53
8	B1812537	Trần Thị Kim	Vân	060200	NN1808F1	18AVTC14	49
9	B1800607	Phan Ngọc	Hân	060600	NN1808F1	18AVTC14	46
10	B1806186	Lê Thị Hồng	Phượng	230600	NN1808F1	18AVTC14	44
11	B1800609	Lê Nguyễn Bảo	Ngọc	101100	NN1808F1	18AVTC14	43
12	B1803032	Cao Phần	Chân	031100	NN1808F1	18AVTC14	41
13	B1800276	Nguyễn Phương	Duy	150600	NN1808F1	18AVTC14	38
14	B1812777	Phan Thành	Tài	050500	NN1808F1	18AVTC14	35
15	B1800617	Nguyễn Quế	Trân	031200	NN1808F1	18AVTC14	34
16	B1808096	Nguyễn Quế	Anh	300500	NN1808F1	18AVTC14	32
17	B1812651	Nguyễn Thị Mỹ	Quỳn	020100	NN1808F1	18AVTC14	32
18	B1800414	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	310500	NN1808F1	18AVTC14	50
19	B1800444	Huỳnh Khánh	Duy	110299	NN1808F1	18AVTC14	43
20	B1812553	Trần Hà Gia	Hải	240300	NN1808F1	18AVTC14	40
21	B1807499	Phan Minh	Trọng	191100	NN1808F1	18AVTC14	30

PHÒNG ĐÀO TẠO